

CHƯƠNG III: TỐC ĐỘ

BÀI 8: TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Phát biểu được khái niệm tốc độ, nhớ được công thức tính và đơn vị đo tốc độ.
- Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h và ngược lại.
- Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập về chuyển động trong đó đã cho giá trị của hai trong ba đại lượng v, s và t .
- Xác định được tốc độ qua việc xác định quãng đường đi được trong khoảng thời gian tương ứng.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về khái niệm tốc độ, công thức tính và đơn vị đo tốc độ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để giải bài tập vận dụng công thức tính tốc độ.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ trong khi tìm hiểu về khái niệm, đơn vị đo tốc độ và giải bài tập về tốc độ chuyển động.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nêu được khái niệm, đơn vị đo tốc độ.
- Trình bày được các cách xác định sự nhanh, chậm của chuyển động và nêu được công thức tính tốc độ.
- Xác định được tốc độ qua việc xác định quãng đường đi được trong khoảng thời gian tương ứng.
- Giới thiệu được tốc độ khác nhau của một số vật (bao gồm vật sống và vật không sống).
- Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập cũng như các tình huống đơn giản liên quan đến tốc độ trong đời sống.

3. Phẩm chất:

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về tốc độ của chuyển động.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thảo luận hoàn thành các phiếu học tập, nhiệm vụ được giao.
- Cẩn thận trong tính toán.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về: Một số ví dụ về chuyển động nhanh, chậm.
- Các phiếu học tập cho các nhóm (đính kèm).
- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: 1 tốc kế.
- Bảng phụ cho các nhóm HS.

2. Học sinh

- Ôn lại công thức dùng để giải bài tập về chuyển động đều trong môn Toán lớp 5; ôn lại đơn vị đo độ dài và đơn vị đo thời gian đã học ở lớp dưới.
- Đọc trước bài mới ở nhà.

III. Tiến trình dạy học

TIẾT 1

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: Hướng HS vào ý nghĩa vật lí của tốc độ và tìm hiểu xem HS biết tốc độ đặc trưng cho tính chất nào của chuyển động.

b) Nội dung:

HS trả lời câu hỏi sau:

- H1: Từ các đại lượng v, s, t . Em hãy nhớ lại và nêu công thức dùng để giải các bài tập về chuyển động đều trong môn Toán lớp 5?

- H2: Từ công thức $v = \frac{s}{t}$ đã được học, em có thể xác định được các đại lượng nào của chuyển động, biết được tính chất nào của chuyển động?

c) Sản phẩm:

Câu trả lời của HS. Có thể là:

✓ H1: $v = \frac{s}{t}$

✓ H2: Từ công thức $v = \frac{s}{t}$ có thể xác định được các đại lượng của chuyển động là: tốc độ (hoặc quãng đường hoặc thời gian nếu biết 2 đại lượng còn lại).
Biết được sự nhanh, chậm của chuyển động.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>* Giao nhiệm vụ học tập: GV lần lượt đặt câu hỏi H1 và H2, yêu cầu mỗi cá nhân HS nhớ và suy nghĩ trả lời các câu hỏi đó.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện yêu cầu của GV. Trong quá trình trả lời, nếu HS chưa trả lời được GV gợi ý đáp án có trong phần mở đầu của SGK hoặc đưa ra một ví dụ để HS liên tưởng và trả lời câu hỏi.</p> <p>* Báo cáo, thảo luận: GV gọi bất kì HS nào đó trả lời câu hỏi. Mời các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.</p> <p>* Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS => Dẫn dắt vào bài mới: Vậy thì thương số $\frac{s}{t}$ đặc trưng cho tính chất nào của chuyển động, để trả lời câu hỏi này chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.</p>	<p>Chương III. TỐC ĐỘ Bài 8. TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Nhận biết về khái niệm tốc độ, hình thành và vận dụng công thức tính tốc độ.

a) Mục tiêu:

- Phát biểu được khái niệm tốc độ và nêu được công thức tính tốc độ.
- Xác định được tốc độ qua việc xác định quãng đường đi được trong khoảng thời gian tương ứng.
- Hiểu được thuật ngữ tốc độ trung bình trong chuyển động.

b) Nội dung:

- HS đọc nội dung SGK và kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thiện Phiếu học tập số 1.
- Rút ra kết luận về phương pháp so sánh các đại lượng, thuộc tính...phụ thuộc vào nhiều thông số.
- Trả lời một số câu hỏi GV đưa ra để biết công thức tính tốc độ:
- + H3: Tìm công thức tính tốc độ qua quãng đường đi được và thời gian để đi quãng đường đó?

+ H4: Từ công thức $v = \frac{s}{t}$, hãy suy ra công thức tính s và t?

- Trả lời câu hỏi bài tập trong SGK/46: Bạn A chạy 120m hết 35s. Bạn B chạy 140m hết 40s. Ai chạy nhanh hơn?

c) Sản phẩm: Đáp án của HS, có thể:

- **Quá trình hoạt động nhóm: có tinh thần trao đổi, tìm hiểu để hoàn thiện Phiếu học tập số 1.**

- Đáp án Phiếu học tập số 1:

1) Tính quãng đường đi trong 1 giây của 3 bạn và điền kết quả vào bảng.

ST T	Họ và tên học sinh	Quãng đường (m)	Thời gian (s)	Quãng đường đi trong 1 giây	Thời gian đi quãng đường 1 mét
1	Nguyễn An	1000	300	3,33 m	
2	Trần Mạnh	1500	100	15 m	
3	Phạm Hoàng	2000	150	13,33 m	

2) Tính thời gian đi quãng đường 1 mét của 3 bạn và điền kết quả vào bảng.

ST T	Họ và tên học sinh	Quãng đường (m)	Thời gian (s)	Quãng đường đi trong 1 giây	Thời gian đi quãng đường 1 mét
1	Nguyễn An	1000	300	3,33 m	0,3 s
2	Trần Mạnh	1500	100	15 m	0,067 s
3	Phạm Hoàng	2000	150	13,33 m	0,075 s

3) Dựa vào quãng đường đi trong 1 giây hãy cho biết bạn nào đi nhanh hơn? Vì sao?

Bạn Mạnh đi nhanh hơn bạn An và Hoàng. Vì trong 1 giây bạn Mạnh đi quãng đường dài hơn so với bạn An và Hoàng ($15m > 13,33m > 3,33m$).

⇒ Từ đó rút ra cách chung để xác định sự nhanh, chậm của chuyển động:

So sánh quãng đường đi được trong cùng một khoảng thời gian. Chuyển động nào có quãng đường đi được dài hơn, chuyển động đó nhanh hơn.

4) Dựa vào thời gian đi quãng đường 1 mét hãy cho biết bạn nào đi nhanh hơn? Vì sao?

Bạn Mạnh đi nhanh hơn bạn An và Hoàng. Vì để đi hết quãng đường 1 mét bạn Mạnh cần thời gian đi ngắn hơn so với bạn An và Hoàng ($0,067s < 0,075s < 0,3s$).

⇒ Từ đó rút ra cách chung để xác định sự nhanh, chậm của chuyển động:
So sánh thời gian để đi cùng một quãng đường. Chuyển động nào có thời gian đi ngắn hơn, chuyển động đó nhanh hơn.

5) Tìm thêm ví dụ minh họa cho hai cách xác định sự nhanh, chậm của chuyển động ở trên.

Tùy mỗi nhóm HS. Ví dụ như:

+ *Anh và em cùng đi học từ nhà tới trường với quãng đường dài 2km. Anh đi từ nhà đến trường hết 15 phút, còn em đi hết 20 phút. Thời gian để đi cùng một quãng đường của anh ít hơn em. Vậy chuyển động của anh nhanh hơn chuyển động của em.*

+ *Bạn Nam và Hải cùng thi bơi với nhau. Trong 1 phút Nam bơi được 50m còn Hải chỉ bơi được 30m. Trong cùng một khoảng thời gian, Nam bơi được quãng đường nhiều hơn Hải, vậy chuyển động của Nam nhanh hơn chuyển động của Hải.*

- **Câu trả lời H3, H4 và trả lời câu hỏi bài tập của HS** (Trong phần nội dung ở mục d).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>* Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu học tập số 1 cho các nhóm. GV yêu cầu HS đọc SGK và thảo luận nhóm 4 hoàn thiện Phiếu học tập số 1 trong vòng 8 phút. - HS cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV đưa ra. - Yêu cầu HS hoàn thiện cá nhân câu hỏi bài tập sgk/46 trong vòng 3 phút. <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm tài liệu, thảo luận và đi đến thống nhất hoàn thành Phiếu học tập số 1. - Mỗi HS suy nghĩ làm câu hỏi bài tập sgk/46 và ghi vào vở. <p>* Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi ngẫu nhiên lần lượt các nhóm trình bày từng câu hỏi trong Phiếu học tập số 1. Các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có). - GV gọi ngẫu nhiên HS trả lời câu hỏi và lên bảng trình bày lời giải cho phần 	<p>I. Khái niệm tốc độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại lượng cho biết sự nhanh, chậm của chuyển động, được xác định bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian, gọi là tốc độ chuyển động. $v = \frac{s}{t}$ <p>- Công thức tính tốc độ: $v = \frac{s}{t}$, trong đó: v: tốc độ s: quãng đường đi được t: thời gian đi quãng đường đó.</p> <p>- Mối quan hệ giữa s, v, t: từ $v = \frac{s}{t}$ suy ra $t = \frac{s}{v}$ $s = v.t$ và</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tế tốc độ chuyển động của một vật thường thay đổi (trên từng quãng đường; trong những khoảng thời gian khác nhau) nên đại lượng $v = \frac{s}{t}$ còn gọi là tốc độ trung bình của chuyển động.

câu hỏi bài tập. Các HS còn lại quan sát, theo dõi, nhận xét.

*** Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét câu trả lời của các HS, đưa ra đáp án, giải thích cho HS hiểu. GV giới thiệu với HS cách mà thường dùng để xác định sự nhanh, chậm của chuyển động; thông báo khái niệm tốc độ và công thức tính tốc độ. GV thông

báo cho HS biết từ công thức $v = \frac{s}{t}$ ta có thể suy ra công thức tính s và t.

? CH sgk/46:

Tóm tắt:

$$s_A = 120\text{m} ; t_A = 35\text{s}$$

$$s_B = 140\text{m} ; t_B = 40\text{s}$$

Ai nhanh hơn?

Giải: Tốc độ chạy của bạn A là:

$$v_A = \frac{s_A}{t_A} = \frac{120\text{m}}{35\text{s}} \approx 3,43 \quad (\text{m/s})$$

Tốc độ chạy của bạn B là:

$$v_B = \frac{s_B}{t_B} = \frac{140\text{m}}{40\text{s}} = 3,5 \quad (\text{m/s})$$

Vì $v_A < v_B$ ($3,43\text{m/s} < 3,5\text{m/s}$) nên bạn B chạy nhanh hơn.

Hoạt động 2.2: Nhận biết các đơn vị tốc độ

a) Mục tiêu:

- Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.
- Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h và ngược lại.

b) Nội dung:

- Cá nhân mỗi HS trả lời câu hỏi:

+ H5: Em hãy kể một số đơn vị đo độ dài và đơn vị đo thời gian mà em đã học hoặc em biết?

- HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành Phiếu học tập số 2.

c) Sản phẩm:

- H5: Một số đơn vị đo độ dài: milimét (mm), xentimét (cm), đêximét (dm), mét (m), kilômét (km), ...

Một số đơn vị đo thời gian: giây (s), phút (min), giờ (h)...

- Đáp án Phiếu học tập số 2:

1) Tìm đơn vị tốc độ thích hợp cho các chỗ trống sau:

Đơn vị đo độ dài	Mét (m)	Kilômét (km)	Mét (m)	Kilômét (km)	Xentimét (cm)
Đơn vị đo thời gian	Giây (s)	Giờ (h)	Phút (min)	Giây (s)	Giây (s)
Đơn vị đo tốc độ	Mét trên giây (m/s)	Kilômét trên giờ (km/h)	Mét trên phút (m/min)	Kilômét trên giây (km/s)	Xentimét trên giây (cm/s)

2) Đổi đơn vị:

a) $1\text{km/h} = ? \text{m/s}$

$$1\text{ km} = 1000\text{ m} ; 1\text{ h} = 3600\text{ s}$$

$$\Rightarrow \frac{1\text{km}}{1\text{h}} = \frac{1000\text{m}}{3600\text{s}} \Rightarrow 1\text{ km/h} = \frac{1000}{3600} \text{ m/s} = \frac{1}{3,6} \text{ m/s}$$

$$b) 1\text{m/s} = \frac{0,001\text{ km}}{\frac{1}{3600}\text{ h}} = 3,6 \text{ (km/h)}$$

3) Em hãy dự đoán tốc độ của một số chuyển động thường gặp trong cuộc sống? (Tùy mỗi HS).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>* Giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt: Vì $v=s/t$ nên đơn vị đo tốc độ phụ thuộc vào đơn vị đo độ dài và đơn vị đo thời gian, trước khi tìm hiểu đơn vị đo tốc độ các em hãy nhớ lại một số đơn vị đo độ dài và đơn vị đo thời gian. + Yêu cầu cá nhân mỗi HS suy nghĩ câu hỏi H5. - Chúng ta cùng tìm hiểu đơn vị đo tốc độ thông qua Phiếu học tập số 2. + GV phát phiếu học tập số 2 cho các nhóm. Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 trong 8 phút và ghi kết quả vào bảng phụ. <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. - Đối với câu hỏi H5, GV tổ chức trò chơi nhỏ: GV gọi bất kì HS nào, yêu cầu HS đó kể một đơn vị đo độ dài, sau khi trả lời xong HS đó chỉ bạn khác trong lớp, bạn được chỉ kể nhanh đơn vị đo độ dài nhưng không trùng với bạn trước, cứ như vậy cho đến khi GV hô “ngừng”. Tương tự đối với kể đơn vị đo thời gian. <p>* Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi ngẫu nhiên một số nhóm lần lượt trình bày các câu hỏi trong Phiếu học tập số 2. - Nhóm được gọi treo bảng phụ lên bảng và trình bày câu trả lời. - Các HS khác nhận xét, đóng góp ý kiến. <p>* Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét câu trả lời của HS. - GV giới thiệu bảng đơn vị tốc độ thường dùng trong SGK, hệ đo lường chính thức của đơn vị đo tốc độ của nước ta. Giới thiệu bảng liệt kê một số tốc độ. Giới thiệu Tốc kế (đồng hồ vận tốc). - GV có thể giới thiệu nội dung trong phần “Em có biết?”. 	<p>II. Đơn vị đo tốc độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị của vận tốc phụ thuộc vào đơn vị đo độ dài và đơn vị đo thời gian. - Đơn vị đo tốc độ là: m/s; km/h. $1 \text{ km/h} = \frac{1}{3,6} \text{ m/s}$ $1 \text{ m/s} = 3,6 \text{ km/h}$

TIẾT 2

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về bài tập vận dụng Công thức tính tốc độ

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu và áp dụng đúng công thức tính tốc độ và hiểu được ý nghĩa vật lý của nó.

b) Nội dung: HS tìm hiểu bài tập ví dụ và ?1, 2, 3 sách giáo khoa.

c) Sản phẩm: HS làm được các bài tập theo hướng dẫn của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung																
<p>- Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổ chức cho HS đọc bài tập ví dụ SGK, chia lớp hoạt động theo 3 nhóm, thảo luận các bài tập trong SGK (mỗi nhóm 1 bài)?</p> <p>+ <i>Thảo luận:</i> cho biết những đại lượng đã biết, những đại lượng nào chưa biết, tóm tắt và tìm lời giải?</p> <p>+ Bài tập 1: ? Ta đã biết những đại lượng nào? ? để tìm vận tốc chúng ta sử dụng công thức nào?</p> <p>+ Bài tập 2: ? Đề bài cho biết điều gì? ? Vậy khi ta biết quãng đường, vận tốc để tính thời gian chúng ta sẽ làm như thế nào?</p> <p>+ Bài tập 3 ? tương tự khi chúng ta biết vận tốc, thời gian làm sao chúng ta tính được quãng đường</p>	<p>III. Bài tập vận dụng công thức tính tốc độ</p> <p>1. Bài tập ví dụ</p> <table> <tr> <td>Tóm tắt</td><td>Giải</td></tr> <tr> <td> $s = 5 \text{ km}$ $t = 7 \text{ h } 15 \text{ min} - 6 \text{ h } 45 \text{ min} = 0,5 \text{ h}$ $v = ? \text{ km/h,}$ $v = ? \text{ m/s}$ </td><td> Tốc độ đi xe đạp của bạn đó là: $v = \frac{s}{t} = \frac{5}{0,5} = 10 \text{ (km/h)}$ $v = \frac{10}{3,6} = 0,28 \text{ (m/s)}$ </td></tr> </table> <p>2. Bài tập 1</p> <table> <tr> <td>Tóm tắt</td><td>Giải</td></tr> <tr> <td> $s = 100 \text{ m}$ $t = 11,54 \text{ s}$ $v = ? \text{ m/s}$ </td><td> Tốc độ của nữ vận động viên Lê Tú Chinh là: $v = \frac{s}{t} = \frac{100}{11,54} \approx 8,67 \text{ (m/s)}$ </td></tr> </table> <p>3. Bài tập 2</p> <table> <tr> <td>Tóm tắt</td><td>Giải</td></tr> <tr> <td> $s = 2,4 \text{ km}$ $v = 4,8 \text{ km/h}$ $t = ? \text{ h}$ Thời điểm đến = ? h </td><td> Thời gian đi đến siêu thị của bạn A là: $t = \frac{s}{v} = \frac{2,4}{4,8} = 0,5 \text{ (h)} = 30 \text{ (min)}$ Bạn A đến siêu thị lúc: $8 \text{ h } 30 \text{ min} + 30 \text{ min} = 9 \text{ h}$ </td></tr> </table> <p>4. Bài tập 3</p> <table> <tr> <td>Tóm tắt</td><td>Giải</td></tr> <tr> <td> $v = 12 \text{ km/h}$ $t = 20 \text{ min} = \frac{1}{3} \text{ h}$ $s = ? \text{ km}$ </td><td> Quãng đường từ nhà bạn B đến trường là: $s = v \cdot t = 12 \cdot \frac{1}{3} = 4 \text{ (km)}$ </td></tr> </table>	Tóm tắt	Giải	$s = 5 \text{ km}$ $t = 7 \text{ h } 15 \text{ min} - 6 \text{ h } 45 \text{ min} = 0,5 \text{ h}$ $v = ? \text{ km/h,}$ $v = ? \text{ m/s}$	Tốc độ đi xe đạp của bạn đó là: $v = \frac{s}{t} = \frac{5}{0,5} = 10 \text{ (km/h)}$ $v = \frac{10}{3,6} = 0,28 \text{ (m/s)}$	Tóm tắt	Giải	$s = 100 \text{ m}$ $t = 11,54 \text{ s}$ $v = ? \text{ m/s}$	Tốc độ của nữ vận động viên Lê Tú Chinh là: $v = \frac{s}{t} = \frac{100}{11,54} \approx 8,67 \text{ (m/s)}$	Tóm tắt	Giải	$s = 2,4 \text{ km}$ $v = 4,8 \text{ km/h}$ $t = ? \text{ h}$ Thời điểm đến = ? h	Thời gian đi đến siêu thị của bạn A là: $t = \frac{s}{v} = \frac{2,4}{4,8} = 0,5 \text{ (h)} = 30 \text{ (min)}$ Bạn A đến siêu thị lúc: $8 \text{ h } 30 \text{ min} + 30 \text{ min} = 9 \text{ h}$	Tóm tắt	Giải	$v = 12 \text{ km/h}$ $t = 20 \text{ min} = \frac{1}{3} \text{ h}$ $s = ? \text{ km}$	Quãng đường từ nhà bạn B đến trường là: $s = v \cdot t = 12 \cdot \frac{1}{3} = 4 \text{ (km)}$
Tóm tắt	Giải																
$s = 5 \text{ km}$ $t = 7 \text{ h } 15 \text{ min} - 6 \text{ h } 45 \text{ min} = 0,5 \text{ h}$ $v = ? \text{ km/h,}$ $v = ? \text{ m/s}$	Tốc độ đi xe đạp của bạn đó là: $v = \frac{s}{t} = \frac{5}{0,5} = 10 \text{ (km/h)}$ $v = \frac{10}{3,6} = 0,28 \text{ (m/s)}$																
Tóm tắt	Giải																
$s = 100 \text{ m}$ $t = 11,54 \text{ s}$ $v = ? \text{ m/s}$	Tốc độ của nữ vận động viên Lê Tú Chinh là: $v = \frac{s}{t} = \frac{100}{11,54} \approx 8,67 \text{ (m/s)}$																
Tóm tắt	Giải																
$s = 2,4 \text{ km}$ $v = 4,8 \text{ km/h}$ $t = ? \text{ h}$ Thời điểm đến = ? h	Thời gian đi đến siêu thị của bạn A là: $t = \frac{s}{v} = \frac{2,4}{4,8} = 0,5 \text{ (h)} = 30 \text{ (min)}$ Bạn A đến siêu thị lúc: $8 \text{ h } 30 \text{ min} + 30 \text{ min} = 9 \text{ h}$																
Tóm tắt	Giải																
$v = 12 \text{ km/h}$ $t = 20 \text{ min} = \frac{1}{3} \text{ h}$ $s = ? \text{ km}$	Quãng đường từ nhà bạn B đến trường là: $s = v \cdot t = 12 \cdot \frac{1}{3} = 4 \text{ (km)}$																

<p>đi được?</p> <p>+ Lưu ý đơn vị của các đại lượng</p> <p>- Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS nhận nhiệm vụ, thảo luận hoạt động theo nhóm.</p> <p>- Báo cáo, thảo luận</p> <p>+ HS: từng nhóm trình bày, báo cáo kết quả. Lắng nghe, ghi chú.</p> <p>+ Nhóm khác nhận xét</p> <p>- Kết luận, nhận định</p> <p>GV phân tích, nhận xét kết quả của các nhóm và thống nhất kết quả.</p>	
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức.

b) **Nội dung:** Tổ chức trò chơi tiếp sức thực hiện các bài tập 8.1,8.2,8.6,8.7 SBT.

c) **Sản phẩm:** HS làm các bài tập 8.1,8.2,8.6,8.7 SBT

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung		
<p>- Giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp thành 3 đội mỗi đội 5 HS thực hiện bài tập từ 8.1,8.2,8.6,8.7 SBT</p> <p>- Thực hiện nhiệm vụ: HS nhận và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm</p> <p>- Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm báo cáo kết quả hoạt động của nhóm theo yêu cầu.</p> <p>Các nhóm khác theo dõi nhận xét.</p> <p>- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá: kết quả thực hiện của HS.</p>	Luyện tập		
	Dự kiến sản phẩm		
	8.1. 1 -c; 2-d; 3 - a; 4-b.		
	8.2		
	A. Đối tượng chuyển động	B.Tốc độ (m/s)	C.Tốc độ (km/h)
	Người đi bộ	1,5	4,5
	Người đi xe đạp	3 đến 4	10,8 đến 14,4
Ô tô	15 đến 20	54 đến 72	
Tàu hoả	10 đến 20	26 đến 72	

	Máy bay	200 đến	720 đến
	phản lực	300	1080
	8.6. B.		
	8.7. B.		

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b. Nội dung: Trình bày phương án xác định tốc độ đi từ nhà đến trường của em.

c. Sản phẩm: HS trình bày được phương án xác định tốc độ chuyển động khi đi từ nhà đến trường.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS trình bày phương án xác định tốc độ khi đi từ nhà đến trường.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhận và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày phương án xác định tốc độ.

- **Kết luận, nhận định:** Thảo luận thống nhất.

❖ **Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ và làm các bài tập trong SBT.

- Đọc trước bài 9. Đo tốc độ.

➤ Hãy xây dựng phương án xác định tốc độ của bản thân khi đi từ nhà đến trường.

❖ **Phụ lục:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Bài 8. TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

Lớp: Nhóm:

Cho bảng kết quả quãng đường và thời gian từ nhà đến trường của 3 bạn An, Mạnh, Hoàng như sau:

ST T	Họ và tên học sinh	Quãng đường (m)	Thời gian (s)	Quãng đường đi trong 1 giây	Thời gian đi quãng đường 1 mét
1	Nguyễn An	1000	300		
2	Trần Mạnh	1500	100		
3	Phạm Hoàng	2000	150		

Em hãy:

1) Tính quãng đường đi trong 1 giây của 3 bạn và điền kết quả vào bảng.

2) Tính thời gian đi quãng đường 1 mét của 3 bạn và điền kết quả vào bảng.

3) Dựa vào quãng đường đi trong 1 giây hãy cho biết bạn nào đi nhanh hơn? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

⇒ Từ đó rút ra cách chung để xác định sự nhanh, chậm của chuyển động:

.....

.....

.....

.....

.....

4) Dựa vào thời gian đi quãng đường 1 mét hãy cho biết bạn nào đi nhanh hơn? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

⇒ Từ đó rút ra cách chung để xác định sự nhanh, chậm của chuyển động:

.....

.....

.....

.....

5) Tìm thêm ví dụ minh họa cho hai cách xác định sự nhanh, chậm của chuyển động ở trên.

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Bài 8. TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

Lớp: Nhóm:

1) Tìm đơn vị đo tốc độ thích hợp cho các chỗ trống sau:

Đơn vị đo độ dài	Mét (m)	Kilômét (km)	Mét (m)	Kilômét (km)	Xentimét (cm)
Đơn vị đo thời gian	Giây (s)	Giờ (h)	Phút (min)	Giây (s)	Giây (s)
Đơn vị đo tốc độ	Mét trên giây (m/s)	...	...	...	...

Hướng dẫn: Nếu độ dài có đơn vị là mét(m), thời gian có đơn vị là giây (s) thì

$$v = \frac{s(m)}{t(s)} = \frac{s}{t} (m / s)$$

2) Đổi đơn vị:

a) 1km/h = ? m/s

Hãy tìm đáp án bằng cách hoàn thành gợi ý sau: 1 km = m ; 1 h = s

$$\Rightarrow \frac{1km}{1h} = \frac{.....m}{.....s} \Rightarrow 1 km/h =$$

m/s

b) Tương tự như hướng dẫn ở trên, hãy đổi đơn vị sau: 1 m/s = ? km/h

.....

3) Em hãy dự đoán một số tốc độ thường gặp trong cuộc sống?

.....

